

Số: /HD-SNN

Sơn la, ngày

tháng 6 năm 2019

HƯỚNG DẪN

Thực hiện chỉ tiêu 11.3 “Xã có mô hình hợp tác xã liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị hàng hóa đối với nông sản chủ lực đảm bảo chất lượng an toàn thực phẩm và bền vững” tiêu chí 11 Hình thức tổ chức sản xuất

Căn cứ Quyết định số 875/QĐ-UBND ngày 18/4/2019 của UBND tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số nội dung chỉ tiêu số 11.3 thuộc tiêu chí số 11 về hình thức tổ chức sản xuất của Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Sơn La giai đoạn 2018 – 2020 ban hành tại Quyết định số 2290/QĐ-UBND ngày 19/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh;

Căn cứ sổ tay hướng dẫn phát triển sản xuất trong Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, ban hành theo Quyết định số 4781/QĐ-BNN-VPĐP ngày 21/11/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, trong đó có nội dung hướng dẫn thực hiện “Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững” giai đoạn 2016-2020.

Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn thực hiện chỉ tiêu 11.3, tiêu chí số 11 như sau:

PHẦN I

VỀ PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, NỘI DUNG HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT LIÊN KẾT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ

I. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG

1. Phạm vi

Áp dụng cho các xã xây dựng nông thôn mới.

2. Đối tượng

- Doanh nghiệp, HTX, trang trại, hộ gia đình và cá nhân thực hiện các hoạt động hỗ trợ.

- Các cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan, trực tiếp tham gia thực hiện Chương trình.

II. NỘI DUNG, THỜI GIAN, ĐỊNH MỨC, HỖ TRỢ

Hoạt động phát triển chuỗi giá trị có thể bao gồm một hoặc một số trong các nội dung hỗ trợ dưới đây. Các huyện, xã căn cứ vào thực trạng sản xuất, chế biến và kinh doanh, định hướng phát triển sản phẩm và nguồn lực của địa phương để quyết định lựa chọn nội dung hỗ trợ cho phù hợp, cụ thể như sau:

1. Nội dung hỗ trợ đối với dự án xây dựng liên kết theo chuỗi giá trị

* Dự án xây dựng liên kết theo chuỗi giá trị mới được hỗ trợ:

- Tư vấn xây dựng liên kết, bao gồm: chi phí khảo sát đánh giá chuỗi giá trị, tư vấn xây dựng phương án, kế hoạch sản xuất - kinh doanh, xây dựng quy trình kỹ thuật (sản xuất, chế biến, bảo quản), đánh giá thị trường, lập phương án và hỗ trợ phát triển thị trường;

- Tiền thuê đất để tích tụ ruộng đất, lãi suất vay ngân hàng;

- Đầu tư điện nước, nhà xưởng, máy móc, thiết bị sơ chế, chế biến, đóng gói và bảo quản sản phẩm, hệ thống xử lý chất thải;

- Đầu tư về giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm;

- Tập huấn kỹ thuật sản xuất, nâng cao nghiệp vụ quản lý, quản trị chuỗi giá trị, năng lực quản lý hợp đồng và phát triển thị trường...;

- Áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ (bao gồm các quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt và các chứng nhận chất lượng sản phẩm đảm bảo an toàn thực phẩm);

- Xây dựng, đăng ký thương hiệu, chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm;

- Xúc tiến thương mại, quảng bá và mở rộng thị trường.

* Dự án củng cố, nâng cấp liên kết chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm đã có thì không được hỗ trợ: Tư vấn xây dựng liên kết.

2. Thời gian hỗ trợ thực hiện các dự án

- Đối với dự án xây dựng chuỗi giá trị mới, thời gian thực hiện tối đa là 36 tháng.

- Đối với dự án củng cố, nâng cấp liên kết chuỗi giá trị gắn với tiêu thụ sản phẩm đã có, thời gian thực hiện tối đa là 24 tháng.

3. Định mức kinh phí hỗ trợ từ ngân sách cho các nội dung hỗ trợ

Thực hiện theo các quy định tại Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 của Bộ Tài Chính về việc Quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình MTQG xây dựng NTM giai đoạn 2016-2020. Cụ thể như sau:

- Chi hỗ trợ tư vấn xây dựng liên kết (chỉ áp dụng đối với xây dựng liên kết theo chuỗi giá trị mới), bao gồm tư vấn, nghiên cứu để xây dựng phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, phát triển thị trường. Mức hỗ trợ tối đa 100% chi phí thực hiện, trong đó chi tiền công theo quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN, chi công tác phí, hội thảo, hội nghị theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị đối với cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp (sau đây viết tắt là Thông tư số 40/2017/TT-BTC).

- Chi tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật, nâng cao năng lực quản lý, quản trị chuỗi giá trị, phát triển thị trường. Nội dung chi, mức chi thực hiện theo quy

định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC; Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức; Thông tư số 123/2009/TT-BTC ngày 17/6/2009 của Bộ Tài chính quy định nội dung chi, mức chi xây dựng chương trình khung và biên soạn chương trình, giáo trình các môn học đối với các ngành đào tạo Đại học, Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp.

- Chi hỗ trợ áp dụng quy trình kỹ thuật và quản lý chất lượng đồng bộ (bao gồm các quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt và các chứng nhận chất lượng sản phẩm theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và PTNT).

Nội dung chi, mức chi thực hiện theo quy định tại Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản và Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BNNPTNT-BTC-BKHĐT ngày 16/10/2013 của Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn thực hiện Quyết định số 01/2012/QĐ-TTg.

- Chi hỗ trợ giống, vật tư, bao bì, nhãn mác sản phẩm theo dự án đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt, tối đa 3 vụ/chu kỳ sản xuất, cụ thể:

+ Hỗ trợ tối đa 100% chi phí mua bao bì, nhãn mác sản phẩm.

+ Hỗ trợ tối đa 100% chi phí mua giống và các vật tư thiết yếu (bao gồm: các loại phân bón, hóa chất, thức ăn chăn nuôi) ở địa bàn khó khăn, huyện nghèo.

+ Hỗ trợ tối đa 70% chi phí mua giống và 50% chi phí mua vật tư thiết yếu ở địa bàn trung du miền núi, bãi ngang.

+ Hỗ trợ tối đa 50% chi phí mua giống và 30% chi phí mua vật tư thiết yếu ở địa bàn đồng bằng.

- Ngoài nội dung chi, mức chi quy định ở trên, doanh nghiệp, HTX, trang trại, hộ gia đình, cá nhân thực hiện dự án phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm còn được miễn, giảm tiền thuê đất, thuê mặt nước theo quy định của pháp luật đất đai; được áp dụng các chính sách tín dụng khuyến khích sản xuất nông nghiệp theo mô hình liên kết và các chính sách hỗ trợ khác theo quy định hiện hành.

- Việc quản lý, thanh toán, quyết toán các nguồn vốn từ ngân sách Trung ương thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Tài chính đã ban hành tại Thông tư số 43/2017/TT-BTC ngày 12/5/2017 về việc quy định việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình giai đoạn 2016-2020.

PHẦN II

QUY TRÌNH TRIỂN KHAI CÁC HOẠT ĐỘNG PHÁT TRIỂN LIÊN KẾT SẢN XUẤT THEO CHUỖI GIÁ TRỊ

I. Về tổ chức triển khai các dự án hỗ trợ liên kết theo chuỗi giá trị

1. Chủ đầu tư và chủ trì dự án

1.1. Chủ đầu tư

- Đối với dự án có hoạt động sản xuất sản phẩm trong phạm vi 01 xã: UBND xã là chủ đầu tư. Căn cứ vào tình hình thực tế, trường hợp UBND xã không đủ năng lực làm chủ đầu tư Dự án thì UBND huyện là chủ đầu tư.

- Đối với các dự án có hoạt động sản xuất trong phạm vi nhiều xã thuộc một huyện: UBND cấp huyện là chủ đầu tư.

- Đối với các dự án có phạm vi hoạt động sản xuất trên nhiều huyện: Sở Nông nghiệp và PTNT là chủ đầu tư.

1.2. Chủ trì dự án

Chủ trì Dự án là các tổ chức nghiên cứu - tư vấn, đơn vị sự nghiệp hoặc một trong các bên liên kết sản xuất và được các bên liên kết sản xuất khác trong Dự án thống nhất, bao gồm Doanh nghiệp, HTX, trang trại, hộ gia đình, cá nhân. Ưu tiên doanh nghiệp, HTX làm chủ trì dự án.

2. Quy trình lập, phê duyệt và triển khai dự án hỗ trợ liên kết chuỗi giá trị mới

2.1. Đối với dự án trên phạm vi một huyện

Đối với dự án trong phạm vi một huyện (bao gồm dự án trên phạm vi một xã hoặc nhiều xã trong một huyện), UBND cấp huyện giao cho Phòng Nông nghiệp/phòng kinh tế thành phố hướng dẫn các chủ trì dự án lập Thuyết minh dự án theo các bước sau:

Bước 1. Sau khi nhận được thông báo kế hoạch xây dựng danh mục các dự án phát triển sản xuất, UBND huyện/thành phố thông báo tuyển chọn tổ chức, cá nhân đăng ký chủ trì dự án.

Bước 2. Xây dựng dự án

Chủ trì dự án triển khai họp với các hộ tham gia dự án để thống nhất các nội dung thực hiện dự án. Nội dung của cuộc họp:

- Giới thiệu các thông tin về nội dung dự án đã được xác định và các quy định liên quan.

- Thảo luận với các hộ nhằm làm rõ và thống nhất quyền lợi, nghĩa vụ của các bên liên quan khi liên kết sản xuất và thu thập các thông tin liên quan khác phục vụ cho xây dựng dự án.

Bước 3: Thẩm định, phê duyệt dự án

Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn/Phòng Kinh tế thành phố chủ trì thẩm định dự án, trình UBND huyện, thành phố phê duyệt.

Bước 4: Ký hợp đồng thực hiện dự án

Căn cứ Quyết định phê duyệt dự án của UBND huyện/thành phố, Chủ đầu tư ký Hợp đồng thực hiện dự án với Chủ trì dự án

2.2. Đối với dự án trên phạm vi nhiều huyện

Bước 1. Chủ đầu tư là Sở Nông nghiệp và PTNT/Văn phòng Điều phối NTM cấp tỉnh tổ chức thông báo tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì dự án.

Bước 2. Tổ chức họp với chủ trì dự án

Sở Nông nghiệp và PTNT/Văn phòng Điều phối NTM tỉnh họp với chủ trì dự án để trao đổi và thống nhất các nội dung thực hiện dự án.

Bước 3. Thẩm định và phê duyệt dự án

Sở Nông nghiệp và PTNT thẩm định dự án trình UBND tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện.

Bước 4. Ký hợp đồng thực hiện dự án

Căn cứ Quyết định phê duyệt của UBND tỉnh, Chủ đầu tư ký hợp đồng thực hiện dự án với chủ trì dự án.

II. Công tác theo dõi, kiểm tra và đánh giá kết quả dự án

1. Đối với các dự án có phạm vi trên một huyện

- Phòng Nông nghiệp và PTNT/Phòng Kinh tế thành phố, có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra và đánh giá kết quả Dự án có phạm vi trong một huyện.

- Định kỳ 6 tháng, tiến hành kiểm tra giữa kỳ về tiến độ, kết quả các Dự án.

2. Đối với các dự án có phạm vi trên nhiều huyện

- Sở Nông nghiệp và PTNT/Văn phòng Điều phối NTM tỉnh có trách nhiệm theo dõi, kiểm tra và đánh giá kết quả Dự án có phạm vi nhiều huyện.

- Định kỳ 6 tháng, Sở Nông nghiệp và PTNT/Văn phòng Điều phối NTM tỉnh tiến hành kiểm tra, đánh giá tiến độ, kết quả các Dự án.

- Kết thúc dự án, Sở Nông nghiệp và PTNT/Văn phòng Điều phối NTM tỉnh tổ chức Hội đồng đánh giá, nghiệm thu kết quả dự án. Đồng thời, tiến hành quyết toán, thanh lý hợp đồng theo quy định của pháp luật.

PHẦN III:

KỸ THUẬT VỀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT LIÊN KẾT

THEO CHUỖI GIÁ TRỊ GẮN VỚI TIÊU THỤ SẢN PHẨM

I. Các nội dung về liên kết theo chuỗi giá trị

Thực hiện theo Phần III, mục 3.1, tiết 3.1.1, 3.1.2 trong sổ tay hướng dẫn phát triển sản xuất Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, ban hành theo Quyết định số 4781/QĐ-BNN-VPĐP ngày 21/11/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

II. Xây dựng hợp đồng liên kết

Thực hiện theo Phần III, mục 3.1.3 trong sổ tay hướng dẫn phát triển sản xuất Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới ban hành theo Quyết định số

4781/QĐ-BNN-VPĐP ngày 21/11/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cụ thể một số nội dung sau:

1. Khái niệm hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm

Hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm là hợp đồng hợp tác, liên kết giữa các khâu khác nhau trong sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm (sau đây gọi là Hợp đồng), được ký kết giữa doanh nghiệp với tổ chức đại diện của nông dân hoặc nông dân; giữa tổ chức đại diện của nông dân với nông dân.

2. Một số nội dung cần quan tâm khi xây dựng Hợp đồng

- Xác định về sản phẩm: sản phẩm là cơ sở đầu tiên để hình thành Hợp đồng, bởi nó sẽ quyết định đến các yếu tố đầu vào, quy trình áp dụng, thời gian, quy cách sản phẩm và các yếu tố về giá. Do vậy, cần xác định rõ:

+ Loại sản phẩm: cần xác định rõ hợp đồng về sản phẩm gì, loại hình được xác định: quả, hạt, con...

+ Tiêu chuẩn về chất lượng: cần lưu ý hai tiêu chuẩn cơ bản: (1) Tiêu chuẩn về chất lượng sản phẩm, vệ sinh an toàn thực phẩm (VietGap hay tiêu chuẩn khác...); (2) tiêu chuẩn về thương mại, như: tỷ lệ lẫn tạp cho phép, độ ẩm, trọng lượng tối thiểu - tối đa...

+ Quy cách về sản phẩm: đóng gói, bao bì...

+ Yêu cầu về giống: xác định rõ về giống, đặc biệt là cây trồng ngắn ngày và vật nuôi.

+ Yêu cầu về kỹ thuật áp dụng: các yêu cầu về kỹ thuật, vật tư sử dụng...

- Xác định rõ về thời gian, địa điểm giao dịch: cần phải làm rõ về mặt thời gian, địa điểm giao dịch để đảm bảo sự tuân thủ và phù hợp với đặc điểm thương mại của sản phẩm.

- Phương pháp đánh giá về chất lượng: đây là vấn đề gây nhiều tranh cãi và trở thành yếu tố gây vỡ hợp đồng. Do đó, cần quy định rõ về công cụ, phương pháp đánh giá chất lượng và phương án xử lý khi có sự không đồng nhất về kết quả đánh giá chất lượng.

- Giá và hình thức thanh toán: giá bán sản phẩm cần được cụ thể theo loại sản phẩm gắn với tiêu chuẩn chất lượng, cùng với đó là hình thức thanh toán kèm theo.

Tuân thủ Hợp đồng đã ký kết là một trong những khó khăn trong hoạt động tổ chức sản xuất, do đó, các nội dung được quy định càng chi tiết thì càng thuận lợi trong quá trình thực hiện hợp đồng. Tham khảo mẫu hợp đồng tại:

III. Sản xuất đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm

1. Khái niệm về an toàn thực phẩm

Hoạt động sản xuất, chế biến và kinh doanh thực phẩm là hoạt động có điều kiện, đặc biệt là về đảm bảo an toàn thực phẩm. Luật An toàn thực phẩm năm 2010 có quy định:

- *An toàn thực phẩm* là việc bảo đảm để thực phẩm không gây hại đến sức khỏe, tính mạng con người.

- *Cơ sở sản xuất ban đầu thực phẩm nông, lâm, thủy sản*: là nơi thực hiện một, một số hoặc tất cả các hoạt động trồng trọt, chăn nuôi, thu hái, đánh bắt, khai thác nông, lâm, thủy sản.

- *Cơ sở kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản*: là nơi việc thực hiện một, một số hoặc tất cả các hoạt động giới thiệu, dịch vụ bảo quản, dịch vụ vận chuyển hoặc buôn bán thực phẩm nông, lâm, thủy sản.

2. Nghĩa vụ đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm

Trong hoạt động sản xuất và kinh doanh thực phẩm, nhà nước yêu cầu các tổ chức, cá nhân phải thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 7, Điều 8 của Luật ATTP. Trong đó, có một số nghĩa vụ cụ thể như:

2.1. Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong sản xuất thực phẩm

- Sản xuất theo các điều kiện bảo đảm an toàn đối với thực phẩm, phải bảo đảm an toàn thực phẩm trong quá trình sản xuất và chịu trách nhiệm về an toàn thực phẩm do mình sản xuất.

- Thông tin đầy đủ, chính xác về sản phẩm trên nhãn, bao bì sản phẩm, đồng thời, thông tin trung thực về an toàn thực phẩm; cảnh báo kịp thời, đầy đủ, chính xác về nguy cơ gây mất an toàn của thực phẩm, cách phòng ngừa cho người bán hàng và người tiêu dùng.

- Thiết lập quy trình tự kiểm tra trong quá trình sản xuất thực phẩm, đồng thời, lưu giữ hồ sơ, mẫu thực phẩm, các thông tin cần thiết theo quy định về truy xuất nguồn gốc thực phẩm. Thực hiện quy định về truy xuất nguồn gốc thực phẩm không bảo đảm an toàn theo quy định.

- Kịp thời ngừng sản xuất, thông báo cho các bên liên quan và có biện pháp khắc phục hậu quả khi phát hiện thực phẩm không an toàn hoặc không phù hợp tiêu chuẩn đã công bố áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật tương ứng.

- Tuân thủ quy định pháp luật, quyết định về thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2.2. Nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong kinh doanh thực phẩm

- Tuân thủ các điều kiện bảo đảm an toàn đối với thực phẩm trong quá trình kinh doanh và chịu trách nhiệm về an toàn thực phẩm do mình kinh doanh.

- Kiểm tra nguồn gốc, xuất xứ thực phẩm, nhãn thực phẩm và các tài liệu liên quan đến an toàn thực phẩm; lưu giữ hồ sơ về thực phẩm; thực hiện quy định về truy xuất nguồn gốc thực phẩm không bảo đảm an toàn.

- Thông tin trung thực về an toàn thực phẩm; thông báo cho người tiêu dùng điều kiện bảo đảm an toàn khi vận chuyển, lưu giữ, bảo quản và sử dụng thực phẩm.

- Kịp thời cung cấp thông tin về nguy cơ gây mất an toàn của thực phẩm và cách phòng ngừa cho người tiêu dùng khi nhận được thông tin cảnh báo của tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu.

- Kịp thời ngừng kinh doanh, thông tin cho tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu và người tiêu dùng khi phát hiện thực phẩm không bảo đảm an toàn. Báo cáo ngay với cơ quan có thẩm quyền và khắc phục ngay hậu quả khi phát hiện ngộ độc thực phẩm hoặc bệnh truyền qua thực phẩm do mình kinh doanh gây ra.

- Tuân thủ quy định của pháp luật, quyết định về thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Quy định về đảm bảo đủ điều kiện về ATTP

Mỗi tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đều phải có trách nhiệm thực hiện việc đảm bảo ATTP. Theo đó, để sản xuất, kinh doanh thực phẩm, các tổ chức, cá nhân phải đăng ký để được cấp giấy chứng nhận về điều kiện đảm bảo ATTP theo quy định của Luật ATTP.

Theo quy định của Bộ Nông nghiệp và PTNT, có 2 loại đối tượng chịu sự quản lý của Bộ về điều kiện đảm bảo ATTP, bao gồm:

- Đối tượng **bắt buộc** phải đăng ký cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP.

- Đối tượng **không bắt buộc** phải đăng ký cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP.

3.1. Đăng ký cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP đối với các đối tượng bắt buộc phải thực hiện

- Cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh nông, lâm, thủy sản bắt buộc phải đăng ký để được cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP, bao gồm:

+ Cơ sở sản xuất ban đầu nông, lâm, thủy sản có: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; giấy chứng nhận đầu tư; giấy chứng nhận kinh tế trang trại.

+ Tất cả các cơ sở thu gom, sơ chế, chế biến và kinh doanh sản phẩm thực phẩm nông, lâm, thủy sản.

+ Cơ sở sản xuất, kinh doanh dụng cụ, vật liệu bao gói chứa đựng sản phẩm thực phẩm gắn liền cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản.

+ Cơ sở sản xuất nhiều loại sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Công Thương (Khoản 4, Điều 3 Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014).

- Quy định về hồ sơ đăng ký cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP (được quy định tại Thông tư số 45/2014/TT-BNNPTNT)

+ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP.

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư có ngành nghề sản xuất, kinh doanh thực phẩm hoặc giấy chứng nhận kinh tế trang trại; bản sao công chứng hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu.

+ Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện ATTP.

+ Danh sách chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm đã được cấp giấy xác nhận kiến thức về ATTP (có xác nhận của cơ sở sản xuất, kinh doanh).

+ Danh sách chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm đã được cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp xác nhận đủ sức khỏe (có xác nhận của cơ sở sản xuất, kinh doanh).

+ Số lượng hồ sơ (1 bộ).

- Cơ quan cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP ở địa phương:

Lĩnh vực trồng trọt:

+ Cơ sở sản xuất ban đầu (bao gồm cả hoạt động sơ chế tại cơ sở sản xuất ban đầu): Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

+ Cơ sở chế biến độc lập; cơ sở kinh doanh tại chợ đầu mối, chợ đầu giá, cơ sở chuyên kinh doanh thực phẩm có nguồn gốc thực vật: Sở nông nghiệp & PTNT.

Lĩnh vực chăn nuôi:

+ Cơ sở chăn nuôi ban đầu: Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản.

+ Cơ sở giết mổ, sơ chế; cơ sở kinh doanh tại chợ đầu mối, chợ đầu giá, cơ sở chuyên kinh doanh thực phẩm có nguồn gốc động vật: Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản

+ Cơ sở chế biến (giò, chả, thịt hộp, hàng khô, hun khói, ướp muối...): Sở Nông nghiệp & PTNT.

Lĩnh vực thủy sản:

+ Cơ sở nuôi trồng: Chi cục Chăn nuôi, Thú y và Thủy sản.

+ Thu mua, sơ chế, chế biến (bao gồm cả tàu cá chế biến), kho lạnh độc lập; cơ sở kinh doanh tại chợ đầu mối, chợ đầu giá, cơ sở chuyên kinh doanh thực phẩm thủy sản: Sở Nông nghiệp & PTNT.

- Hiệu lực của Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP là: 3 năm.

3.2. Đăng ký đối với các đối tượng không bắt buộc phải thực hiện đăng ký Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP

Việc quản lý ATTP đối với các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ được thực hiện theo Thông tư số 51/2014/TT-BNNPTNT ngày 27/12/2014. Theo đó:

- Cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ là cơ sở không có: (1) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; hoặc (2) Giấy chứng nhận đầu tư; hoặc (3) Giấy chứng nhận kinh tế trang trại; hoặc (4) cơ sở đã có Giấy chứng nhận thực hành nông nghiệp tốt (VietGAP).

- Yêu cầu đảm bảo về điều kiện ATTP đối với các cơ sở sản xuất ban đầu nhỏ lẻ được quy định cụ thể đối với cơ sở trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản và cơ sở thu hái, đánh bắt, khai thác nông, lâm, thủy sản tại Điều 4, Điều 5, Điều 6 và Điều 8 của Thông tư số 51/2014/TT-BNNPTNT. Cụ thể như sau:

+ Tham gia các buổi tập huấn, hướng dẫn của cơ quan quản lý nhà nước về thực hành sản xuất thực phẩm an toàn.

+ Phải ký cam kết sản xuất sản phẩm an toàn với cơ quan được UBND tỉnh phân công.

+ Nội dung cam kết theo mẫu

+ Thời hạn cam kết: 3 năm/lần.

+ Chịu sự kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước (theo phân công của UBND tỉnh) về việc thực hiện nội dung đã cam kết. Hoạt động kiểm tra sẽ được thực hiện theo kế hoạch, hoặc đột xuất (khi có sự cố về an toàn thực phẩm liên quan hoặc theo chỉ đạo của cơ quan cấp trên).

+ Cơ sở sản xuất sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật nếu vi phạm các cam kết về đảm bảo điều kiện sản xuất an toàn thực phẩm.

4. Lựa chọn các loại chứng nhận đảm bảo ATTP tự nguyện

4.1. Chứng nhận tiêu chuẩn tự nguyện trong sản xuất nông, lâm, thủy sản

Các quy định được trình bày trong (mục 3) là quy định bắt buộc mà các tổ chức, cá nhân sản xuất, chế biến và thương mại nông, lâm, thủy sản thực hiện theo quy định của Luật ATTP. Nó có giá trị trong phạm vi quốc gia, tuy nhiên, để có thể tiếp cận vào các thị trường xuất khẩu thì các cơ sở sản xuất, chế biến phải đáp ứng các quy định về ATTP theo yêu cầu của nước nhập khẩu. Thông thường, các yêu cầu về ATTP sẽ được thực hiện qua các chứng nhận tiêu chuẩn, như: GlobalGap trong nông, lâm, thủy sản; ASC, MSC CoC trong thủy sản...

Đối với thị trường trong nước, chứng nhận theo tiêu chuẩn VietGAP (thực hành nông nghiệp tốt) là chứng nhận của riêng Việt Nam, được xây dựng trên cơ sở các tiêu chuẩn AseanGAP; GlobalGap... do Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành đối với từng sản phẩm, nhóm sản phẩm thủy sản, trồng trọt, chăn nuôi.

Đây là các **chứng nhận tự nguyện** quy định về nguyên tắc, trình tự về sản xuất, thu hoạch, xử lý sau thu hoạch nhằm đảm bảo an toàn, nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo phúc lợi xã hội, sức khỏe người sản xuất và người tiêu dùng; đồng thời, bảo vệ môi trường và truy nguyên nguồn gốc sản xuất.

4.2. Xây dựng chứng nhận VietGAP

VietGAP là một tiêu chuẩn tự nguyện, cung cấp tiêu chuẩn và khuôn khổ cho chứng nhận của bên thứ ba. Sản phẩm nông nghiệp được chứng nhận theo tiêu chuẩn VietGAP sẽ được thừa nhận trên thị trường Việt Nam.

- Lợi ích khi có chứng nhận VietGAP

+ Chứng nhận VietGAP là chứng nhận áp dụng đối với các cơ sở sản xuất ban đầu, do đó, khi có chứng nhận VietGAP, các cơ sở sản xuất nhỏ lẻ ban đầu không phải thực hiện các thủ tục cam kết.

+ Chứng nhận VietGAP giúp cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất tiếp cận tốt hơn với người tiêu dùng trên thị trường trong và ngoài nước (đối với các thị trường chấp nhận VietGAP).

+ Các cơ sở sản xuất có thể phản ứng kịp thời hơn với các vấn đề trong sản xuất liên quan đến an toàn, vệ sinh thực phẩm thông qua việc kiểm soát sản xuất trong các khâu làm đất, chăn nuôi cho đến khi thu hoạch, tạo ra sản phẩm có chất lượng cao, ổn định.

+ Chứng nhận VietGAP giúp người sản xuất xây dựng thương hiệu sản phẩm và tạo thị trường tiêu thụ ổn định.

- Điều kiện và hướng dẫn đăng ký chứng nhận VietGAP

+ Các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân sản xuất nông, lâm, thủy sản muốn đăng ký chứng nhận VietGAP thì phải đáp ứng 04 nhóm tiêu chí sau:

Nhóm 1: Tiêu chuẩn về kỹ thuật sản xuất nhằm bảo vệ môi trường.

Nhóm 2: An toàn thực phẩm, gồm các biện pháp đảm bảo không có hóa chất nhiễm khuẩn hoặc ô nhiễm vật lý khi thu hoạch.

Nhóm 3: Đảm bảo sức khỏe cho người lao động và phúc lợi xã hội: môi trường làm việc mục đích nhằm ngăn chặn việc lạm dụng sức lao động của nông dân.

Nhóm 4: Bảo đảm chất lượng và truy xuất nguồn gốc sản phẩm: tiêu chuẩn này cho phép xác định được những vấn đề từ khâu sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm.

+ Quy trình VietGAP tham khảo các văn bản sau:

Đối với chăn nuôi: Quyết định số 4653/QĐ-BNN-CN ngày 10/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành 08 quy trình thực hành chăn nuôi tốt (VietGAHP) cho: bò sữa, bò thịt; dê sữa, dê thịt; lợn; gà; ngan-vịt và ong.

Đối với trồng trọt: Quyết định số 379 /QĐ-BNN-KHCN ngày 28/01/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành quy trình thực hành nông nghiệp tốt cho rau quả tươi an toàn tại Việt Nam (VietGap); Quyết định số 1121/QĐ-BNN-KHCN ngày 14/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành quy trình thực hành nông nghiệp tốt cho chè búp tươi an toàn tại Việt Nam (VietGap); Quyết định số số 2999 /QĐ-BNN-TT

ngày 09/11/2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành quy trình thực hành nông nghiệp tốt cho cà phê (VietGap); Quyết định số 2998/QĐ-BNN-TT ngày 09/11/2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc ban hành quy trình thực hành nông nghiệp tốt cho lúa (VietGap).

Đối với thủy sản: Quyết định 3824/QĐ-BNN-TCTS ngày 6/9/2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy phạm thực hành nuôi trồng thủy sản tốt Việt Nam (VietGAP).

+ Để được cấp Giấy chứng nhận VietGAP, cơ sở sản xuất cần nghiên cứu và áp dụng quy trình VietGAP theo đối tượng cây trồng, vật nuôi dự kiến (theo các văn bản ở trên), tiến hành tự kiểm tra, đánh giá các chỉ tiêu theo VietGAP có đạt hay không. Sau đó liên hệ với các tổ chức chứng nhận VietGAP được các cơ quan của Bộ Nông nghiệp và PTNT chỉ định và công nhận.

+ Để giảm chi phí trong việc chứng nhận VietGAP, việc đăng ký chứng nhận VietGAP nên chứng nhận đối với diện tích lớn, nên đăng ký chứng nhận cho doanh nghiệp, HTX hoặc các trang trại, cơ sở sản xuất lớn. Các cơ sở sản xuất nhỏ lẻ nên tập hợp thành các tổ chức như: HTX, THT để xây dựng VietGAP.

- Danh sách các tổ chức chứng nhận VietGAP

+ Danh sách tổ chức chứng nhận VietGAP trong trồng trọt, tham khảo tại: <http://www.vietgap.gov.vn/Content.aspx?mode=uc&page=DanhsachTCCNC hitiet&LCN=1>

+ Danh sách tổ chức chứng nhận trong chăn nuôi, thủy sản, tham khảo tại: <http://www.vietgap.com/certification.html>

+ Hoặc liên hệ với Sở Nông nghiệp và PTNT để được hỗ trợ.

4.3. Xây dựng các chứng nhận quốc tế

- Mỗi một loại sản phẩm sẽ có những chứng nhận khác nhau, trên cơ sở yêu cầu của thị trường nhập khẩu và nhà nhập khẩu. Phổ biến hiện nay là chứng nhận GlobalGAP trong sản xuất nông, lâm, thủy sản. Tuy nhiên, cũng có những thị trường không chấp nhận GlobalGAP mà yêu cầu chứng nhận khác, đặc biệt là trong thủy sản.

- Do đó, để quyết định sản xuất theo hướng chứng nhận gì, thì doanh nghiệp, tổ chức sản xuất phải làm việc với nhà nhập khẩu, hoặc tìm hiểu thị trường nhập khẩu để quyết định lựa chọn chứng nhận phù hợp. Ngay cả các tổ chức chứng nhận cũng có thể do nhà nhập khẩu hoặc thị trường nhập khẩu chỉ định.

IV. Xây dựng thương hiệu cho nông sản

1. Khái niệm về thương hiệu

Tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO) đã định nghĩa: "Thương hiệu thường được hiểu và sử dụng theo một nghĩa bao quát hơn để đề cập đến sự kết

hợp của các yếu tố hữu hình và vô hình, như một nhãn hiệu, thiết kế, logo, tên thương mại, khái niệm, hình ảnh và danh tiếng... Hình ảnh tổng thể của thương hiệu không chỉ đơn thuần là một nhãn hiệu, hoặc một thiết kế, hoặc một yếu tố độc lập, nó phân biệt hàng hóa, dịch vụ với đối thủ cạnh tranh, biểu hiện một chất lượng nhất định và trong dài hạn, thu hút và nuôi dưỡng lòng trung thành của người tiêu dùng".

- Như vậy, thương hiệu không phải là: (1) Tên, logo của công ty được nhắc đi nhắc lại nhiều lần qua các chiến dịch quảng bá; (2) Khẩu hiệu quảng cáo, chiến dịch quảng cáo, một danh xưng, một sản phẩm hay một công ty.

- Thương hiệu được hiểu là: Mối quan hệ giữa sản phẩm với người tiêu dùng, là tổng hòa của tình cảm, nhận thức, lòng tin và trải nghiệm của công chúng; là một lời hứa của sản phẩm với công chúng.

- Thương hiệu là một khái niệm mang tính thị trường, nó không phải là một đối tượng được bảo hộ theo Luật SHTT, đó là điểm khác biệt so với Nhãn hiệu, Chỉ dẫn địa lý, tên thương mại... Do đó, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý có thể là thương hiệu, nhưng thương hiệu chưa chắc đã là nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý.

2. Các doanh nghiệp, tổ chức có thể lựa chọn các hình thức đăng ký SHTT để bảo hộ thương hiệu cho các sản phẩm nông sản như sau:

- *Nhãn hiệu*: là dấu hiệu dùng để phân biệt hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân khác nhau (Điều 4.16 Luật SHTT);

+ *Nhãn hiệu tập thể*: là nhãn hiệu dùng để phân biệt hàng hóa, dịch vụ của các thành viên của tổ chức là chủ sở hữu nhãn hiệu đó với hàng hóa, dịch vụ của tổ chức, cá nhân không phải là thành viên của tổ chức đó (Điều 4.17 Luật SHTT);

+ *Nhãn hiệu chứng nhận*: là nhãn hiệu mà chủ sở hữu nhãn hiệu cho phép tổ chức, cá nhân khác sử dụng trên hàng hóa, dịch vụ của tổ chức, cá nhân đó để chứng nhận các đặc tính về xuất xứ, nguyên liệu, vật liệu, cách thức sản xuất hàng hóa, cách thức cung cấp dịch vụ, chất lượng, độ chính xác, độ an toàn hoặc các đặc tính khác của hàng hóa, dịch vụ mang nhãn hiệu (Điều 4.18 Luật SHTT);

- *Chỉ dẫn địa lý*: là dấu hiệu dùng để chỉ sản phẩm có nguồn gốc từ khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hay quốc gia cụ thể (Điều 4.22 Luật SHTT);

V. Đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ (SHTT) cho nông sản

Có hai hình thức để đăng ký bảo hộ SHTT cho các sản phẩm nông sản, liên quan đến việc sử dụng "dấu hiệu chỉ dẫn nguồn gốc", chủ yếu là địa danh (tên của một khu vực, địa phương hoặc vùng địa lý cụ thể), sau đây gọi tắt là địa danh.

1. Đăng ký SHTT không sử dụng dấu hiệu chỉ dẫn nguồn gốc địa lý

Đối với các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đăng ký bảo hộ SHTT không sử dụng địa danh, thì có thể lựa chọn 02 hình thức đăng ký như sau: (1) nhãn hiệu; hoặc (2) nhãn hiệu tập thể.

- Đăng ký nhãn hiệu: là việc đăng ký bảo hộ dấu hiệu của doanh nghiệp, HTX hoặc cá nhân, thông thường là logo (biểu trưng) của các tổ chức, cá nhân này.

- Đăng ký nhãn hiệu tập thể: quyền nộp đơn đăng ký nhãn hiệu tập thể thuộc về tổ chức tập thể được thành lập hợp pháp. Như vậy, việc đăng ký nhãn hiệu tập thể chỉ dành cho các tổ chức như: hiệp hội/hội, nghiệp đoàn, liên hiệp HTX/HTX.

Hồ sơ nộp đơn đăng ký nhãn hiệu, nhãn hiệu tập thể tham khảo tại website:

[http://www.noip.gov.vn/web/noip/home/vn?proxyUrl=/noip/cms_vn.nsf/\(agntDisplayContent\)?OpenAgent&UNID=C161564AC24FAE4F4725777300129F03](http://www.noip.gov.vn/web/noip/home/vn?proxyUrl=/noip/cms_vn.nsf/(agntDisplayContent)?OpenAgent&UNID=C161564AC24FAE4F4725777300129F03)

- Yêu cầu đối với nhãn hiệu, nhãn hiệu tập thể được bảo hộ:

+ Nhìn thấy được: được thể hiện dưới dạng chữ cái, từ ngữ, hình vẽ, hình ảnh hoặc sự kết hợp các yếu tố đó, được thể hiện bằng một hoặc nhiều màu sắc;

+ Có khả năng phân biệt: có thể dùng để phân biệt hàng hóa, dịch vụ của chủ sở hữu nhãn hiệu với hàng hóa, dịch vụ của chủ thể khác. Cụ thể là:

Để nhận biết: được tạo thành từ một hoặc một số yếu tố dễ nhận biết, dễ nhớ hoặc từ nhiều yếu tố kết hợp thành tổng thể dễ nhận biết, dễ nhớ;

Không thuộc các trường hợp loại trừ, bao gồm:

Mô tả hàng hóa, dịch vụ: thời gian, địa điểm, phương thức... sản xuất, chủng loại, số lượng, chất lượng sản phẩm; mô tả hình thức pháp lý, lĩnh vực kinh doanh, nguồn gốc địa lý;

Trùng hoặc tương tự tới mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được đăng ký hoặc nộp đơn sớm hơn cho hàng hóa, dịch vụ cùng loại; trùng hoặc tương tự tới mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của người khác đã được sử dụng và thừa nhận rộng rãi;

Trùng hoặc tương tự tới mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu của người khác đã đăng ký cho hàng hóa, dịch vụ tương tự đã chấm dứt hiệu lực chưa quá 5 năm, trừ trường hợp việc chấm dứt hiệu lực là do nhãn hiệu không được sử dụng liên tục 5 năm liền;

Trùng hoặc tương tự tới mức gây nhầm lẫn với nhãn hiệu được coi là nổi tiếng; trùng với tên thương mại được sử dụng của người khác, gây nhầm lẫn về nguồn gốc hàng hóa, dịch vụ;

Trùng hoặc tương tự với chỉ dẫn địa lý, gây nhầm lẫn về nguồn gốc hàng hóa, dịch vụ;

Trùng hoặc không khác biệt đáng kể với kiểu dáng công nghiệp của người khác đã được đăng ký bảo hộ theo đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp có ngày nộp đơn hoặc ngày ưu tiên sớm hơn.

- Các bước đăng ký nhãn hiệu:

+ Bước 1. Thiết kế, lựa chọn nhãn hiệu đăng ký: là việc xây dựng nhãn hiệu để đăng ký bảo hộ, nhãn hiệu phải đáp ứng được các yêu cầu để được bảo hộ ở nội dung trên. Thông thường, các doanh nghiệp, HTX, tổ chức, cá nhân sẽ sử dụng logo (biểu trưng) của mình để làm nhãn hiệu đăng ký.

+ Bước 2. Xây dựng hồ sơ đăng ký: hồ sơ đăng ký được thực hiện theo hướng dẫn tại website ở trên.

+ Bước 3. Nộp hồ sơ: Hồ sơ đăng ký nhãn hiệu có thể nộp theo địa chỉ:

Cục Sở hữu trí tuệ, 386 Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội.

Ngoài hình thức nộp đơn trực tiếp, các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thể sử dụng dịch vụ đăng ký của các Công ty đại diện sở hữu trí tuệ tại địa phương để đăng ký.

2. Đăng ký bảo hộ SHTT sử dụng tên địa danh

- Việc đăng ký bảo hộ SHTT đối với các sản phẩm gắn với địa danh thường được áp dụng đối với các sản phẩm đặc sản, sản phẩm tiêu thủ công nghiệp truyền thống.

- Các hình thức đăng ký bảo hộ SHTT đối với các sản phẩm có sử dụng địa danh, bao gồm: nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận và chỉ dẫn địa lý.

- Trên cơ sở điều kiện của từng địa phương, việc lựa chọn hình thức đăng ký bảo hộ sản phẩm gắn với địa danh có thể dựa trên các yếu tố sau:

- Bảo hộ theo hình thức nhãn hiệu tập thể:

+ Về sản phẩm: phải có thị trường, tiềm năng phát triển; có nhiều cơ sở sản xuất, kinh doanh trong cùng một khu vực với chất lượng, nhãn hiệu, mẫu mã khác nhau và chưa được kiểm soát; danh tiếng, uy tín của sản phẩm có nguy cơ sụt giảm; có tình trạng hàng giả, hàng nhái...

+ Các cơ sở sản xuất, kinh doanh nhận thức được trách nhiệm phải bảo vệ, giữ gìn uy tín về chất lượng, danh tiếng của sản phẩm và tự nguyện tham gia xây dựng, quản lý và sử dụng nhãn hiệu chung.

+ Địa phương có chủ trương phát triển sản phẩm và sẵn sàng hỗ trợ về chuyên môn và kinh phí.

+ Ưu điểm: hoạt động đăng ký dễ thực hiện, ít phức tạp, tốn kém như bảo hộ chỉ dẫn địa lý. Thời gian thực hiện ngắn hơn, nhãn hiệu do tổ chức tập thể quản lý, do đó nhà nước không phải tham gia nhiều vào hoạt động quản lý.

+ Nhược điểm: Sản phẩm do tổ chức tập thể thống nhất (chất lượng, đặc tính, quy trình...), do đó, có thể không đúng với đặc thù về sản phẩm của địa phương. Quy mô sử dụng bó hẹp đối với các thành viên của tổ chức.

- Bảo hộ theo hình thức nhãn hiệu chứng nhận:

+ Về sản phẩm: phải có thị trường, tiềm năng phát triển; có nhiều cơ sở sản xuất, kinh doanh trong cùng một khu vực với chất lượng, nhãn hiệu, mẫu mã khác nhau và chưa được kiểm soát; danh tiếng, uy tín của sản phẩm có nguy cơ sụt giảm; có tình trạng hàng giả, hàng nhái...

+ Các cơ sở sản xuất kinh doanh chưa nhận thức được trách nhiệm phải bảo vệ, giữ gìn uy tín về chất lượng, danh tiếng của sản phẩm. Khó khăn trong việc tập hợp các cơ sở sản xuất đồng thuận trong xây dựng nhãn hiệu chung đảm bảo các đặc tính, yêu cầu của sản phẩm.

+ Địa phương có chủ trương phát triển sản phẩm và sẵn sàng hỗ trợ về chuyên môn và kinh phí.

+ Ưu điểm: hoạt động đăng ký dễ thực hiện, ít phức tạp, tốn kém như bảo hộ chỉ dẫn địa lý. Thời gian thực hiện ngắn hơn, có thể quản lý được nguồn gốc, chất lượng sản phẩm thông qua việc kiểm soát việc sử dụng nhãn hiệu và kiểm tra các đặc tính của sản phẩm mang nhãn hiệu.

+ Nhược điểm: đặc tính chất lượng, quy trình sản xuất của sản phẩm do chủ sở hữu nhãn hiệu quyết định, có thể không phù hợp so với đặc thù chung về sản phẩm của địa phương.

- Bảo hộ theo hình thức chỉ dẫn địa lý:

+ Về sản phẩm: ngoài các đặc điểm như nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, để đăng ký bảo hộ chỉ dẫn địa lý, thì sản phẩm phải có danh tiếng hoặc chất lượng đặc thù do các điều kiện tự nhiên, con người vùng sản xuất mang lại. Sản phẩm có truyền thống, cần phải bảo vệ, gìn giữ trên thị trường.

+ Các cơ sở sản xuất, kinh doanh có nhận thức về tầm quan trọng của việc duy trì chất lượng, uy tín của sản phẩm trên thị trường, tình nguyện xây dựng chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm của địa phương.

+ Địa phương: có chủ trương phát triển sản phẩm và sẵn sàng hỗ trợ về chuyên môn, kinh phí và sẵn sàng xây dựng hệ thống quản lý chỉ dẫn địa lý.

+ Ưu điểm: đảm bảo quyền sử dụng của tất cả các đối tượng có đủ điều kiện, khả năng sử dụng chỉ dẫn địa lý, chất lượng, nguồn gốc sản phẩm được quản lý thông qua hoạt động quản lý chỉ dẫn địa lý. Nâng cao vai trò của các cơ quan quản lý nhà nước vào hoạt động quản lý sản phẩm đặc sản của địa phương.

+ Nhược điểm: hoạt động xây dựng, quản lý phức tạp, tốn kém, thời gian dài hơn so với nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận. Yêu cầu sự tham gia, phối hợp của nhiều cơ quan quản lý và chuyên môn, đồng thời phải có sự hợp tác tích cực của các cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm.

- Hướng dẫn đăng ký bảo hộ SHTT sử dụng địa danh:

Bước 1. Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để tiến hành nộp hồ sơ đăng ký:

Xác định sản phẩm cần bảo hộ (đặc tính, nguồn gốc địa lý/chất lượng, quy trình sản xuất được áp dụng/tính đặc thù...);

Xây dựng Bản mô tả về danh tiếng, tính chất/chất lượng đặc thù của sản phẩm, nếu là đăng ký chỉ dẫn địa lý;

Xây dựng nhãn hiệu (logo/biểu trưng) nếu đăng ký nhãn hiệu tập thể hoặc nhãn hiệu chứng nhận;

Xây dựng bản đồ khu vực địa lý tương ứng với sản phẩm: vẽ bản đồ/mô tả vùng sản xuất sản phẩm.

Xây dựng các quy chế quản lý đối với nhãn hiệu tập thể hoặc nhãn hiệu chứng nhận.

Bước 2. Xác định chủ thể nộp đơn đăng ký: xác định chủ thể nộp đơn đăng ký là tổ chức tập thể (nếu đăng ký nhãn hiệu chứng nhận); các cơ quan, tổ chức đáp ứng điều kiện (nếu là nhãn hiệu chứng nhận); cơ quan nhà nước, tổ chức tập thể hoặc doanh nghiệp (nếu đăng ký chỉ dẫn địa lý).

Bước 3. Xây dựng hồ sơ và tiến hành nộp đơn và theo đuổi đơn đăng ký (nộp đơn, nộp lệ phí, bổ sung, sửa đổi đơn theo yêu cầu).

Lưu ý: Hồ sơ đăng ký nhãn hiệu tập thể, nhãn hiệu chứng nhận, chỉ dẫn địa lý tham khảo tại website: <http://www.noip.gov.vn>

Hồ sơ đăng ký các đối tượng này phải có: giấy phép của chính quyền địa phương cho phép người nộp đơn đăng ký nhãn hiệu tập thể/chứng nhận, chỉ dẫn địa lý mang dấu hiệu chỉ dẫn nguồn gốc địa lý là địa danh, biểu tượng, bản đồ của vùng, địa phương.

*(Các mẫu biểu áp dụng, tham khảo phần **phụ lục** trong sổ tay hướng dẫn phát triển sản xuất Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, ban hành theo Quyết định số 4781/QĐ-BNN-VPĐP ngày 21/11/2017 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).*

Hướng dẫn này thay thế (*Hướng dẫn số 1776/HD-SNN ngày 17/6/2019 của Sở Nông nghiệp và PTNT*). Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và PTNT để xem xét điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Các Sở, ngành liên quan;
- Giám đốc Sở (b/c);
- Các PGĐ Sở;
- UBND các huyện, thành phố;
- Phòng NN và PTNT, phòng KT thành phố;
- Lưu :VT, CCPTNT ./.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Dũng Tiến